

Bản án số: 85/2019/HS-PT
Ngày 22-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo Phạm Thành V và Phan Văn B. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thành V (tên gọi khác: M); sinh ngày: 21/4/1999 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: Số X, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: N3; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N3; con ông Nguyễn Thành Đ (đã chết) và bà Phạm Thị P (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/3/2018 đến ngày 22/3/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 26/02/2019 bị bắt tạm giam đến nay; có mặt.

2. Phan Văn B, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi thường trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: N3; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: V N3; con ông Phan Văn S, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1948; có vợ là Bùi Thị Thúy H, sinh

năm 1980 (đã ly hôn) và có 01 người con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn B: Ông Dương Tiên N, sinh năm 1948, Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 10/3/2018, Phạm Thành V, Phan Văn B cùng người tên D, N1 và một số người khác (chưa rõ N2 thân, lai lịch) đánh bài thắng thua bằng tiền tại phòng trọ số X thuộc địa chỉ số X, khu phố B, phường B, thị xã T do Lê Thanh H1 thuê. Hình thức đánh bài là bài cào 03 lá, người có điểm cao nhất sẽ thắng hết và làm cái, số tiền cá cược từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng/ván. B sử dụng 12.000.000 đồng, V sử dụng 14.000.000 đồng, H1 sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/3/2018, H1 thua hết 100.000 đồng, B thắng được số tiền 14.000.000 đồng, V thua hết số tiền 14.000.000 đồng nên về nhà kể lại sự việc thua bài cho cha ruột là ông Nguyễn Thành Đ nghe thì bị ông Đ chửi mắng. V nghi ngờ B chơi bài gian lận nên lấy 02 dao tự chế (dao mã tấu) đi tìm B để đòi lại tiền. Trước khi đi, V đến phòng trọ của ông Nguyễn Hồ N2 (tên gọi khác: N3) gõ cửa và nói “Chú N3 cứu con” rồi bỏ đi, khi ông N2 ra mở cửa thì V đã điều khiển xe mô tô biển số 61C1-736.X bỏ đi nên N2 điều khiển xe mô tô biển số 63B5-333.Y chạy theo. Lúc này, ông Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Phan Quốc T cũng đi tìm V.

Đến khoảng 02 giờ ngày 11/3/2018, trong lúc Trần Văn T1 đang điều khiển xe mô tô chở Phan Văn B lưu thông trên đoạn đường khu vực vườn cao su thuộc tổ X, khu phố B, phường B thì gặp Nguyễn Hồ N2 yêu cầu dừng xe để nói chuyện, ông T1 dừng xe lại. Lúc này, V điều khiển xe mô tô đến mở cốp xe lấy 02 dao đi về phía B, V kề dao vào cổ B, nói “Trả tiền lại cho tao”, B trả lời: “Không đưa” thì V dùng tay phải đâm 02 - 03 cái vào mặt B, B ôm mặt ngồi xuống đường thì bị V dùng chân đá và tay đâm tiếp vào vùng mặt và ngực làm B ngã xuống đất. V lấy trong túi quần của B số tiền 24.100.000 đồng, một ví da và một điện thoại di động nhưng sau đó V trả lại ví da và điện thoại di động cho B rồi điều khiển xe bỏ đi. Lúc này, ông Nguyễn Thành Đ điều khiển xe chở Phan Quốc T đi đến, ông Đ nhìn thấy dưới đường có một điện thoại di động nên lấy và cùng với T, N2 về nhà. T1 chở B đến bệnh viện để chữa trị.

Ngày 12/3/2018, B đến Công an phường B, thị xã T trình báo sự việc và giao nộp số tiền 12.500.000 đồng (số tiền này V đã trả lại cho B), V giao nộp số tiền 9.600.000 đồng đã chiếm đoạt của B và 02 dao tự chế.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 26.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành V phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Đánh bạc”; bị cáo Phan Văn B phạm tội “Đánh bạc”;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 321; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thành V 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/02/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 12/3/2018 đến ngày 22/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Thanh H1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/3/2019, bị cáo Phạm Thành V có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 18/3/2019, bị cáo Phan Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo B kháng cáo xin Đ hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo V thay đổi kháng cáo xin Đ giảm nhẹ hình phạt. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp Đ tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp và việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng án treo đối với bị cáo B là có căn cứ. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo B trình bày: Nội dung kháng cáo của bị cáo B là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo B 08 (tám) tháng tù, không cho bị cáo hưởng án treo là thiết thời cho bị cáo, không phù hợp với quy định của pháp luật về án treo. Bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã chủ động nộp lại số tiền đánh bạc, gia đình bị cáo B có công với cách mạng, bị cáo có bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo có ông ngoại là Liệt sĩ. Sau khi kháng cáo, bị cáo đã nộp thêm đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ của bị cáo đã già yếu, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội. Bị cáo đủ điều kiện để Đ hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo, giúp đỡ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo B giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo V thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo V nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, thời gian bị tạm giam bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái của mình, dẫn đến cha mẹ chết, bị cáo còn người em nhỏ đang đi học không ai chăm lo. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về lo cho em của bị cáo.

Bị cáo B nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo cơ hội sửa đổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 10/3/2018, Phạm Thành V, Phan Văn B, Lê Thanh H1 cùng người tên D, N1 và một số người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức bài cào tại nhà trọ thuộc số X, khu phố B, phường B, thị xã T. B sử dụng 12.000.000 đồng, V sử dụng 14.000.000 đồng, H1 sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/3/2018, H1 thua hết 100.000 đồng, B thắng được 14.000.000 đồng, V thua hết 14.000.000 đồng nên nghỉ, V về nhà lấy 02 dao tự chế rồi đi tìm B để

lấy lại tiền. Đến khoảng 02 giờ ngày 11/3/2018, V gặp B tại đoạn đường khu vực vườn cao su thuộc tổ X, khu phố B, phường B, V cầm 02 dao kề vào cổ của B đe dọa sau đó dùng tay nắm 2, 3 vào mặt B rồi lấy trong túi quần của B số tiền 24.100.000 đồng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Ngoài ra, hành vi cướp tài sản của bị cáo V còn xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của bị hại B được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo V về tội “Cướp tài sản” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 321 và bị cáo Phan Văn B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo V xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tội “Đánh bạc”: Bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền đánh bạc lớn, mức hình phạt 08 (tám) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo về tội “Đánh bạc”.

Đối với tội “Cướp tài sản”: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy bị cáo nhất thời phạm tội, mục đích phạm tội của bị cáo chỉ nhằm lấy lại số tiền bị cáo đánh bạc bị thua, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đồng thời, xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, sau khi bị cáo phạm tội thì cha mẹ của bị cáo chết, bị cáo có 01 người em còn đi học. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Do đó, kháng cáo của bị cáo V về việc xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị cáo Phan Văn B về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết bị cáo có hoàn

cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Tuy nhiên, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc lớn, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo B. Ngoài ra, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xuất phát từ hành vi đánh bạc của bị cáo đã làm phát sinh hành vi phạm tội “Cướp tài sản” của bị cáo V, đồng thời việc bị cáo không chấp hành hình phạt tù sẽ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cũng như ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương, đặc biệt là tội phạm “Đánh bạc” đang gia tăng trên địa bàn thị xã T nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung. Như vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo B là phù hợp. Kháng cáo của bị cáo B về việc xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về tội “Đánh bạc” là phù hợp. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V về tội “Cướp tài sản” là chưa phù hợp.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo B là không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo B phải chịu. Kháng cáo của bị cáo V được chấp nhận nên bị cáo V không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thành V về tội “Cướp tài sản”. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thành V, Phan Văn B về tội “Đánh bạc”. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T về hình phạt đối với bị cáo Phạm Thành V về tội “Cướp tài sản”:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Thành V 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 26/02/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 12/3/2018 đến ngày 22/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 46, 47, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phan Văn B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Thành V không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã T; | 1 |
| - Bị cáo; | 2 |
| - Người bào chữa; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn